

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2022

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1- Ông Võ Đức Huy.  
2- Ông Trần Văn Nhị.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69a/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh L. (có đơn xin vắng mặt)

*Bị đơn:* Ông Ngô Sương Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25-10-2021, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H trình bày: Hôn nhân giữa bà H và ông Ngô Sương Q được tổ chức lễ cưới vào năm 1997, đến tháng 9 năm 2003 ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 22-9-2003. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 3 năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân do ông Q bán đất có tiền ăn chơi với bạn bè không còn trách nhiệm trong gia đình, thường ăn nhậu rồi về kiếm chuyện chửi bới vợ con làm cho vợ chồng thường hay cãi nhau. Bà H đã khuyên nhưng ông Q vẫn không sửa và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Ngày 23-10-2021, bà H và con về ngôi đất nhà của cha mẹ ruột tại ấp 2 xã M, huyện T, tỉnh L ở đến nay. Do tình cảm không còn, vợ chồng không chung sống được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Q. Về con chung, bà H và ông Q có 02 con chung tên Ngô Thị Hằng N,

sinh ngày 21-01-1998 và Ngô Thị Kiều P, sinh ngày 04-02-2001. Hiện con đang ở với bà H, do con đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà H và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông Ngô Sương Q biết việc bà H yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng ông Q không có ý kiến.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An:* Quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà H và ông Q là hôn nhân hợp pháp, sau thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, từ tháng 10-2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không có khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H được ly hôn với ông Q. Về con chung, do 02 con của bà H và ông Q đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Sương Q vì vậy xác định tranh chấp giữa bà H và ông Q là tranh chấp về ly hôn. Theo biên bản xác minh tại Công an xã M, huyện T thì ông Q đã đi nơi khác sinh sống nhưng không rõ địa chỉ mới. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Nguyên đơn là bà H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông Q biết việc bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, đồng thời thông báo ngày giờ mở phiên họp, phiên tòa để ông Q biết tham gia nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai ông Q cũng không có mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà H và tài liệu đã thu thập xác định hôn nhân giữa bà H và ông Q là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 22-9-2003 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, đến tháng 10 năm 2021 bà H cùng với các con về ấp 2 xã Mỹ An sinh sống. Từ đó đến nay bà H và ông Q mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Như vậy hôn nhân giữa bà H và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung tên Ngô Thị Hằng N, sinh ngày 21-01-1998 và Ngô Thị Kiều P, sinh ngày 04-02-2001. Hiện tại các con của bà H và ông Q đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không giải quyết việc nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.500.000 đồng, căn cứ theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà H phải chịu toàn bộ tiền chi phí và bà H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều: 35, 39, Điều 180, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H đối với ông Ngô Sương Q.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Ngô Sương Q.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002098 ngày 02-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

3- Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, bà H đã nộp xong.

4- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- UBND xã M, huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Quốc Tiến**